

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 235/TTr-STNMT ngày 08/4/2021 về việc đề nghị ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kèm theo ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 695/SKHĐT-QH ngày 02/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- T. trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

KẾ HOẠCH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA THÍCH ỨNG VỚI
BĐKH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- a) Yêu cầu về ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển.
- b) Nội dung thích ứng với BĐKH phải được lồng ghép trong các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch có liên quan.
- c) Thích ứng với BĐKH phải gắn với phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên - xã hội và tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại.
- d) Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với BĐKH, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của BĐKH thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH, trong đó có hoạt động thích ứng với BĐKH, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.
- Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.
- Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch

a) Tham gia phối hợp hoàn thiện khung pháp lý quốc gia về BĐKH và triển khai các hoạt động, nhiệm vụ phục vụ cho việc xây dựng Luật về BĐKH.

b) Rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, đặc biệt đối với các ngành, vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của BĐKH trên cơ sở Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành tại Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 09/9/2020.

c) Thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh và với chương trình, kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai tỉnh Thanh Hóa.

d) Tăng cường công tác giám sát và đánh giá đối với các hoạt động thích ứng với BĐKH nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng, bao gồm việc: đánh giá rủi ro khí hậu; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với BĐKH; đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với BĐKH.

đ) Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích về đảm bảo phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro do BĐKH và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; xây dựng các cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư cho thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế về BĐKH; giám sát và đánh giá tác động của các hoạt động ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh, xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.2. Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

a) Cải tạo cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH của các ngành, các lĩnh vực:

- Quản lý hiệu quả tài nguyên nước; giám sát và bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện BĐKH, ưu tiên cho các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn;

- Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn, mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với BĐKH. Triển khai các hoạt động thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp theo từng khu vực; phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật

nuôi, thủy sản; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng và vật nuôi; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản;

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH;

- Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển; chống ngập cho đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng; phát triển và xây dựng nhà an toàn đối với các khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai, cực đoan khí hậu và nước biển dâng; ứng dụng công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với BĐKH trong lĩnh vực xây dựng và đô thị;

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp, năng lượng và thương mại, các cơ sở sản xuất công nghiệp gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại khu vực dễ bị tổn thương do BĐKH;

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do BĐKH, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do BĐKH; xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với BĐKH của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng;

- Duy tu, bảo tồn và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình di tích lịch sử văn hóa nhằm nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH.

b) Nâng cao khả năng thích ứng của các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.

c) Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.

d) Quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.

đ) Nâng cao nhận thức, kiến thức về BĐKH và thiên tai của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng; tăng cường năng lực, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với BĐKH.

e) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong thích ứng với BĐKH.

f) Phát triển và nhân rộng các mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

1.3. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do BĐKH

a) Sẵn sàng ứng phó với các hiểm họa do BĐKH thông qua việc tăng cường năng lực giám sát BĐKH, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo, truyền tin về thiên tai và khí hậu cực đoan.

b) Đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình phòng chống thiên tai nhằm chủ động ứng phó với thiên tai có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ.

c) Tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chú trọng giải pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, phát huy tri thức địa phương trong phòng tránh thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

d) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai dưới tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn liên quan đến BĐKH thông qua việc triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, chú trọng các khu vực có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất.

đ) Chống sạt lở bờ sông, bờ biển; đối phó với hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng; giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do tác động của BĐKH.

2. Giai đoạn 2026 - 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH, phối hợp, lồng ghép các hoạt động trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao năng lực của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, cộng đồng và hệ sinh thái để tăng cường khả năng chống chịu, sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu. Tiếp tục nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH. Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do BĐKH và hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, môi trường.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050 sẽ phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh BĐKH và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động thích ứng với BĐKH, tận dụng các cơ hội từ BĐKH để phát triển kinh tế - xã hội.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Giám sát tiến độ triển khai và thực hiện Kế hoạch

Tiến độ của Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH được giám sát dựa trên các kết quả theo từng giai đoạn của các nhiệm vụ trong Danh mục các nhiệm vụ kèm theo.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh giám sát, đánh giá việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình thực hiện để UBND tỉnh có báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban quốc gia về BĐKH trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Rà soát và cập nhật Kế hoạch

Sau 02 năm đầu tiên của quá trình triển khai thực hiện, Kế hoạch sẽ được rà soát cập nhật. Sau 03 năm tiếp theo, việc rà soát, cập nhật Kế hoạch lần thứ hai sẽ được thực hiện căn cứ vào kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025.

3. Đánh giá thực hiện Kế hoạch

05 năm cuối cùng của Kế hoạch sẽ là giai đoạn hoàn thành mục tiêu. Cuối cùng Kế hoạch sẽ được đánh giá để xác định những kết quả đạt được và rút ra bài học cho Kế hoạch của giai đoạn tiếp theo.

Việc sửa đổi, đánh giá Kế hoạch phải được thực hiện thông qua sự tham vấn ý kiến rộng rãi của các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

IV. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Các nhiệm vụ cụ thể được triển khai thực hiện theo danh mục các nhiệm vụ, dự án ưu tiên ứng phó với BĐKH tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 ban hành kèm theo Quyết định số 3716/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 và Danh mục các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch (Phục lục kèm theo).

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.
2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác.
3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu UBND tỉnh những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện, bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các ngành đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

- Phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan liên quan rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch; xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BĐKH;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành liên quan cân đối bố trí kinh phí chi thường xuyên hàng năm từ ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch;

- Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

4. Các Sở ban ngành và các đơn vị liên quan

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công trong bảng danh mục nhiệm vụ kèm theo; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu;

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương để lồng ghép với các hoạt động của Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch;

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch;

- Giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức về BĐKH và thích ứng với BĐKH trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công;

- Đề xuất với UBND tỉnh những biện pháp nhằm tối ưu hóa việc thực hiện Kế hoạch và những điều chỉnh cần thiết đối với Kế hoạch trong giai đoạn sau;

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh

Có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ của Kế hoạch được giao cho địa phương thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định.

Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường

trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Phụ lục: DANH MỤC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUỐC GIA THÍCH ỨNG VỚI BĐKH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
A	Tài nguyên nước					
1	Giảm thiểu tác động của BĐKH đến tài nguyên nước	Tăng cường công tác giám sát và bảo vệ tài nguyên nước	Xác định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất cho các khu vực	Sở TN&MT	2025: Hoàn thành nhiệm vụ	
		Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, chắn sóng lấn biển, chắn cát nhằm chống cạn kiệt và suy thoái nguồn nước.	- Điều tra, đánh giá thực trạng rừng phòng hộ. - Đề xuất, triển khai các giải pháp quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.	Chi cục Kiểm Lâm - Sở NN&PTNT	- Bảo vệ hiệu quả 152.708 ha rừng phòng hộ hiện có. - Trồng mới, chăm sóc 400 ha rừng phòng hộ.	Duy trì ổn định diện tích rừng phòng hộ tập trung. Phát triển, nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi, làm giàu rừng.
		Tăng cường khả năng trữ nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước	Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Sở NN&PTNT	Năm 2021-2025: Triển khai thực hiện	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Xây dựng bổ sung các công trình trữ nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trong điều kiện hạn hán gia tăng do BĐKH	Sở NN&PTNT	Năm 2021-2025: Triển khai thực hiện	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
B	Cơ sở hạ tầng					

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	Giao thông vận tải					
1	Nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải	Triển khai các chương trình dự án nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông ở những vùng thường bị đe dọa bởi những thiên tai và dễ bị tổn thương do BĐKH	Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông đường bộ, đường thủy tại những khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH.	Sở Giao thông Vận tải	Năm 2021-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
II	Xây dựng, đô thị					
	Hoàn thiện các chính sách, quy hoạch ngành xây dựng và đô thị	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành xây dựng và đô thị ứng phó với thiên tai trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với ứng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao,...).	Sở Xây dựng	Năm 2022: Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	
	Nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành xây dựng và đô thị	Triển khai các chương trình, dự án nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	Thực hiện các giải pháp cấp nước hiệu quả ở các khu đô thị, công nghiệp tại các vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của khô hạn, xâm nhập mặn, nước biển dâng.	Sở Xây dựng	- Năm 2021 phê duyệt đề án - Năm 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thực hiện các giải pháp	Sở Xây dựng	Năm 2023-2025	Mở rộng quy mô,

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			chống ngập lụt cho một số đô thị.		triển khai thí điểm cho các đô thị	tổng kết, đánh giá
		Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án phát triển và xây dựng nhà an toàn với thiên tai trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng	Xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ cho khu vực đô thị	Sở Xây dựng	- Năm 2021 phê duyệt đề án - Năm 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với ngập lụt do mưa lớn, triều cường và nước biển dâng cho các khu đô thị ven biển	Sở Xây dựng	- Năm 2021 phê duyệt đề án - Năm 2022-2025: Thí điểm cho các đô thị trọng điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
			Thí điểm, đầu tư các giải pháp kỹ thuật phòng chống lũ quét và sạt lở cho các cụm dân cư khu vực miền núi	Sở Xây dựng	- Năm 2021 phê duyệt đề án - Năm 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
		Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao cho công trình nhà ở đô thị	Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững, có tính chống chịu cao với BĐKH trong lĩnh vực xây dựng và đô thị	Sở Xây dựng	- Năm 2021 phê duyệt đề án - Năm 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
III	Công nghiệp, thương mại và năng lượng					
	Củng cố hệ thống cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp, năng lượng nhằm nâng cao năng lực chống chịu với BĐKH	Nâng cấp trạm biến áp và trạm truyền tải vùng ven biển	Chỉ đạo các tổ chức kinh doanh điện nông thôn xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và trạm truyền tải ở vùng ven biển	Sở Công Thương	Năm 2021-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
C	Sức khỏe cộng đồng, Lao động - xã hội, văn hóa thể thao, du lịch					
I	Sức khỏe cộng đồng					
	Dự báo nguy cơ dịch bệnh do ảnh hưởng của BĐKH	Xác định tình hình dịch bệnh do biến đổi khí hậu; dự báo nguy cơ dịch bệnh do ảnh hưởng của BĐKH	Xây dựng cơ sở dữ liệu và lập bản đồ phân bố mô hình dịch tễ các bệnh truyền nhiễm do ảnh hưởng BĐKH	Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) – Sở Y tế	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu và lập bản đồ phân bố mô hình dịch tễ các bệnh truyền nhiễm do ảnh hưởng BĐKH	
II	Lao động - xã hội					
	Nâng cao năng lực cho người dân, người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích nhằm hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cơ hội việc làm của người dân	Nâng cao hiệu quả lồng ghép vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong các chính sách việc làm	Hỗ trợ thúc đẩy lồng ghép, tạo việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử	Sở LĐTBXH	2024: Kế hoạch được ban hành; tổ chức triển khai thực hiện	Năm 2030 tổng kết, đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường.			
	Tăng cường sự tham gia của các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân về phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, kinh tế xanh và việc làm xanh, lối sống tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu đầu vào trong sản xuất và tiêu dùng Tuyên truyền nâng cao nhận thức về việc làm xanh và ý nghĩa của việc làm xanh để bảo vệ sức khỏe người lao động, gìn giữ môi trường làm việc của người lao động trong doanh nghiệp	Sở LĐTBXH	Từ năm 2021 tổ chức triển khai thực hiện	Năm 2030: Tổng kết đánh giá.
	Tăng cường sự tham gia cơ sở giáo dục	Nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục nghề	Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Sở LĐTBXH	Từ năm 2021 tổ chức triển khai	Năm 2030: Tổng kết đánh giá.

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
	nghề nghiệp đào tạo các ngành, nghề phục vụ trong các ngành, mô hình phát triển kinh tế xanh.	nghề nghiệp, nhất là giáo dục nghề nghiệp về kỹ năng xanh, việc làm xanh cho học sinh, sinh viên, nhằm tạo nguồn lao động thích nghi và phù hợp hơn với việc làm xanh	đào tạo các ngành, nghề phục vụ trong các ngành, mô hình phát triển kinh tế xanh; đưa nội dung giáo dục kỹ năng xanh trở thành một hợp phần trong chương trình đào tạo cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.		thực hiện	
	Tăng cường sự tham gia của phụ nữ quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu	Nâng cao năng lực cho phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng Đề án truyền thông nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm “Giới và biến đổi khí hậu”, “Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu”. Ưu tiên tạo việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp để tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các ngành, mô hình phát triển kinh tế xanh, việc làm xanh.	Sở LĐTBXH	2023: Đề án được phê duyệt; Năm 2023-2025: Thí điểm cho các lĩnh vực	Mở rộng quy mô, tổng kết đánh giá
				Sở LĐTBXH	Từ năm 2021 tổ chức triển khai thực hiện	Năm 2030: Tổng kết đánh giá.
III Văn hóa - Thể thao - Du lịch						

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
Nâng cao năng lực chống chịu của các công trình thể thao, địa danh du lịch, di sản văn hoá, di tích, lịch sử		Nâng cao khả năng khai thác các hoạt động du lịch trong điều kiện BĐKH	Xây dựng loại hình/sản phẩm du lịch thân thiện với môi trường, thích ứng với BĐKH để thu hút khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Năm 2021-2030: Tổ chức triển khai.	Năm 2030: Tổng kết đánh giá.
		Các công trình thể thao các cấp đảm bảo tiêu chuẩn xây dựng và phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu	Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu du lịch, điểm du lịch nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch/ Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch Đầu tư và UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tổ chức rà soát, điều chỉnh	Tổ chức rà soát, điều chỉnh
			- Nâng cấp, cải tạo các công trình thể dục thể thao ở các cấp. - Các công trình thể dục thể thao mới các cấp đảm bảo tiêu chuẩn, đạt mục tiêu	Đơn vị quản lý công trình thể dục thể thao các cấp	- 40% công trình đã có được nâng cấp, cải tạo (các địa phương có nguy cơ cao); - 100% công trình mới đảm bảo tiêu chuẩn.	- 70% công trình đã có được nâng cấp, cải tạo (các địa phương trong tỉnh); - 100% công trình mới đảm bảo tiêu chuẩn.
		Bảo tồn phát huy văn hoá truyền thống, tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hoá – tinh thần của cộng đồng địa	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tổ chức triển khai	Tổng kết đánh giá

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
			phương trong quá trình tái định canh, định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hoá cơ sở, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống, các tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu			
			Kiểm kê di tích và di sản văn hoá phi vật thể	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Tổ chức triển khai	Tổng kết đánh giá
			Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Năm 2021-2030: Tổ chức triển khai	Tổng kết đánh giá